TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2019/QĐST-DS	*Thường Tín, ngày 26 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Trụ sở chính: 28C-28D phố B, phường H, quận H, TP. H

Địa chỉ liên hệ: Tầng 5, số 28C-28D phố B, phường H, quận H, TP. H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình C – Giám đốc Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Q

Người được ủy quyền: Ông Bùi Văn T – Chuyên viên xử lý nợ

- Bị đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1966 và bà Lê Thị H, sinh năm 1977

Trú tại: Đội 2, thôn X, xã V, huyện T, H

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 2000

Trú tại: Đội 2, thôn X, xã V, huyện T, H

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hương, chị Trần Thị Thu Trang: Ông Trần Đức Thật, sinh năm sinh năm 1966.

Trú tại: Đội 2, thôn X, xã V, huyện T, H

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trần Đức T và bà Lê Thị H phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền là **1.038.146.601** đồng (*Một tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm linh một đồng*), trong đó nợ gốc là **800.000.000** đồng (*Tám trăm triệu đồng*); nợ lãi trong hạn là **3.341.813** đồng (*Ba triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, tám trăm mười ba đồng)*; lãi quá hạn là **232.783.333** đồng (*Hai trăm ba hai triệu, bẩy trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*); lãi chậm trả là **921.455** đồng (*Chín trăm hai mốt nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng*) tính đến ngày 16/8/2019. Kể từ 17/8/2019, ông Trần Đức T và bà Lê Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn trong các Hợp đồng tín dụng số 494.01/16/HĐCV/VN0010104-9332 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 494.02/16/HĐHM/VN0010104-9332 ngày 29/12/2016 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với ông Trần Đức T và bà Lê Thị H đối với số tiền gốc chậm trả đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp ông Trần Đức T và bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền đề nghị Chi cục thi hành án Dân sự phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất hợp pháp và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 01, diện tích 414,5m^2 tại thôn X, xã V, huyện T, H mang tên ông Trần Đức T theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 440514 cấp ngày 25/12/2006, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/5/2012 và sửa đổi bổ sung sơ đồ thửa đất ngày 26/12/2016 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai H huyện T để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

* **Về án phí**: Ông Trần Đức T và bà Lê Thị H phải nộp **21.572.000** đồng (*Hai mươi mốt triệu, năm trăm bẩy mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q **20.127.000** đồng (*Hai mươi triệu, một trăm hai mươi bẩy nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2018/0012757 ngày 20/6/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trung Hòa